

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Nguyễn Minh Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Kìl - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Khổng Thị S**, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông **Lâm Văn Th**, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Khổng Thị S trình bày:

Bà Khổng Thị S và ông Lâm Văn Th thành hôn với nhau năm 2011, đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh C. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, bà S và ông Th sống ly thân khoảng 5 tháng nay. Vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông Th. Bà Khổng Thị S và ông Lâm Văn Th có 01 con chung là Lâm Ngọc T, sinh ngày 14/11/2012, con chung ông Th đang nuôi dưỡng, bà S giao con cho ông Th nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lâm Văn Th trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Th nhưng ông Th vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khổng Thị S. Con chung: giao con chung tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 14/11/2012 cho ông Th nuôi dưỡng, bà S không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lâm Văn Th có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Khổng Thị S khởi kiện xin ly hôn với ông Lâm Văn Th nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Lâm Văn Th nhưng ông Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Khổng Thị S và ông Lâm Văn Th thành hôn với nhau năm 2011, đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh C. Được thể hiện tại Trích lục kết hôn (bản sao) ngày 07/3/2022 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Khổng Thị S và ông Lâm Văn Th được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà S trình bày trong quá trình chung sống bà S và ông Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau nên yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn ông Th không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà S vẫn giữ y yêu cầu xin ly hôn với ông Th và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà S với ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Khổng Thị S và ông Lâm Văn Th có 01 con chung là Lâm Ngọc T, sinh ngày 14/11/2012, con chung ông Th đang nuôi dưỡng, bà S giao con chung cho ông Th nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải xem xét đến nguyện vọng của con chung vì cháu Lâm Ngọc T hiện nay đã trên 07 tuổi. Tại bản tự khai ngày 15/3/2022 của cháu T thì nguyện vọng của cháu T là sống với ông Th. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Lâm Ngọc T, sinh ngày 14/11/2012 cho ông Lâm Văn Th nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khổng Thị Suốt, bà S được ly hôn với ông Lâm Văn Th.

Về con chung: Giao Lâm Ngọc T, sinh ngày 14/11/2012 cho ông Lâm Văn Th nuôi dưỡng, bà S không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở bà S thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Khổng Thị S phải chịu 300.000 đồng. Bà S có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017681 ngày 17/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân